

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11 -5-2020

“V/v: Ly hôn giữa chị T và anh H”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Nam.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Thi.

2. Ông Hoàng Quốc Mậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2020/TLST - HNGĐ ngày 25-02-2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24-4-2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1975.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1963.

Đều ĐKKHKT và cư trú tại: Thôn H, xã V, huyện V, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa: Chị T và anh H có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21-02-2020, bản tự khai ngày 24-02-2020, các biên bản làm việc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 20-9-1993. Sau đó được hai bên gia đình làm lễ cưới theo phong tục tại địa phương. Sau ngày cưới chị T đã thấy cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc nên đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình do anh H đã không tôn trọng và coi thường bên gia đình nhà vợ, nên chị cảm thấy cuộc sống chung rất khó chịu và mệt mỏi. Ngoài ra anh H còn hay chơi bời cờ bạc, không chăm lo kinh tế gia đình, lo cho con cái ăn học, chị T kiếm tiền nuôi con ăn học và còn phải trả tiền nợ nần cho anh H. Chị và anh H sống ly thân từ tháng 11-2017, từ ngày sống ly thân anh chị không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa.

Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng và không thể duy trì quan hệ hôn nhân này được nữa. Vì vậy chị xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và T và anh H có 02 con chung là các cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 30-6-1994 và Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 19-3-2000. Hiện nay cả 02 con của anh chị đã trưởng thành, lao động tự lập được nên chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ và nội dung khác liên quan: Chị và anh H không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25 -3-2020 và các văn bản khác, bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Hồng T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 20-9-1993. Sau đó được hai bên gia đình làm lễ cưới theo phong tục tại địa phương. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2006 . Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình anh H xác định bắt đầu từ năm 2007, chị T đi lao động ở xa, không có công việc ổn định và không chung thủy, ngoại tình với người đàn ông khác khiến anh không còn lòng tin vào chị T. Nay chị T xin ly hôn, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng nên anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là các cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 30-6-1994 và Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 19-3-2000. Hiện nay cả 02 con đã trưởng thành, lao động tự lập được nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và các vấn đề khác liên quan: Anh H xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh thu thập chứng cứ ngày 25-3-2020 Ủy ban nhân dân xã V cấp: Chị T và anh H đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã V vào ngày 20-9-1993. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc chị T có đơn xin ly hôn với anh H. Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình của anh chị địa phương không biết được. Nay anh chị có nguyện vọng ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ theo nguyện vọng của các đương sự và quy định của pháp luật để giải quyết. Về con chung anh H và chị T có 02 con chung là các cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 30-6-1994 và Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 19-3-2000, hiện nay con chung của anh H chị T đã trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn H.

+ Về con chung: Con chung của chị T và anh H là các cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 30-6-1994 và Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 19-3-2000, hiện nay các cháu đã thành niên, lao động tự lập được; đương sự không đề nghị, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản, công nợ và các nội dung khác: Đương sự không yêu, cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn H đều đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú tại: Thôn H, xã V, huyện V, tỉnh Nam Định. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện V thụ lý giải quyết vụ án dân sự về việc xin ly hôn giữa chị T và anh H là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh H có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 20-9-1993. Như vậy cuộc hôn nhân của chị T, anh H hợp pháp và được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tình trạng hôn nhân: Qua lời khai của đương sự về nguyên nhân mâu thuẫn gia đình xuất phát từ việc chị T cho rằng anh H sống không có trách nhiệm với gia đình, ham mê chơi cờ dẫn đến nợ nần; anh H cho rằng chị T sống không chung thủy với chồng nên dẫn đến hạnh phúc gia đình mất dần. Anh chị sống ly thân từ tháng 11-2017 đến nay. Như vậy trong thời gian vợ chồng chung sống chị T và anh H không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng nhau, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không gìn giữ, bảo vệ hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, việc này trái với quy định tại Điều 19, 21 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân gia đình của chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly của các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn H có 02 con chung là các cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 30-6-1994 và Nguyễn Ngọc K, sinh

ngày 19-3-2000. Hiện nay các con của anh chị đã trưởng thành, lao động tự lập được; bản thân các đương sự không đề nghị xem xét giải quyết; nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Đương sự xác định không có, không yêu cầu; nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn H.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0001923 ngày 25-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được đối trừ. (Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã V;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Trường Nam

